

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2025/DS-PT

Ngày: 11 - 9 - 2025

V/v: “*Tranh chấp tài sản là
tiền bồi thường, hỗ trợ do
Nhà nước thu hồi đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu.

Các Thẩm phán:

Ông Hàng Lâm Viên.

Bà Phạm Thị Anh Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phó Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Lê Đăng Phương Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2025/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025 về việc “*Tranh chấp tài sản là tiền bồi thường, hỗ trợ do Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 182/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Bích H**, sinh năm 1979; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã A, tỉnh Khánh Hòa);

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1952; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã A, tỉnh Khánh Hòa);

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị H1: Bà Nguyễn Trần Bích T, sinh năm 1993. Văn bản ủy quyền ngày 12/3/2024; (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố G, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Bích T1 - Luật sư Văn phòng L - Đoàn Luật sư tỉnh K. (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố G, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận nay là tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Vĩnh P, sinh năm 1980; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận nay là xã A, tỉnh Khánh Hòa;

2. Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện N, tỉnh Ninh Thuận nay là Ban Q; (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm nguyên đơn bà Dương Thị Bích H trình bày:

Ông Ngô Vĩnh P là con ruột của bà Nguyễn Thị H1. Bà Dương Thị Bích H và ông P kết hôn vào năm 2007 và đã ly hôn vào ngày 23/7/2019 theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 67/2019/QĐST-HNGĐ của TAND huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Khoảng năm 2010, bà H1 giao cho bà H, ông P quản lý, sử dụng thửa đất số 29 tờ bản đồ địa chính số 41 xã H, diện tích khoảng hơn 5.000m². Sau đó, bà H, ông P đã thuê người khai phá, mở rộng, cải tạo thêm khoảng 22.000m² đất để sản xuất nông nghiệp, tổng diện tích thửa đất số 29 tại thời điểm năm 2019 là 35.583,7m².

Trong thời gian từ năm 2010 cho đến năm 2018, bà H, ông P thuê nhân công để canh tác trồng mỳ trên diện tích khoảng 22.000m² đất của thửa đất số 29, còn bà H1 quản lý, sử dụng trên diện tích khoảng 8.000m² đất. Đến vụ mỳ năm 2018, bà H và ông P cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T2, bà Thiệu Thị P1 thuê toàn bộ thửa 29 để trồng khoai mỳ, giá thuê là 7.000.000đồng (*Bảy triệu đồng*)/01 năm.

Vợ chồng ông T2, bà P1 canh tác đất được khoảng 01 năm thì toàn bộ thửa 29 bị thu hồi để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Hồ C, hạng mục Lòng hồ, xã H, huyện N theo Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của UBND huyện N (*Viết tắt: Quyết định 449*). Đến ngày 13/3/2019, UBND huyện N ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị H1 để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Hồ C, hạng mục Lòng hồ, xã H, huyện N (*Viết tắt: Quyết định 539*), tổng số tiền bồi thường là 622.066.440 đồng (*Sáu trăm hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*).

Lúc này, giữa bà H, ông P vẫn chưa phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn nên bà H1 đã nhận toàn bộ số tiền này. Sau khi nhận tiền, bà H1 đã đồng ý trả lại cho vợ chồng ông T2, bà P1 tiền bồi thường hoa màu là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) do hoa màu trên đất do vợ chồng ông T2, bà P1 trồng và trả lại cho bà H số tiền 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*) tiền hỗ trợ do thu hồi diện tích 22.000m² đất.

Sau đó, giữa bà H phát sinh mâu thuẫn với ông P và bà H1 liên quan đến việc phân chia số tiền này và dẫn đến ly hôn, tuy nhiên bà H vẫn đồng ý cho bà

H1 được sở hữu toàn bộ số tiền 622.066.440 đồng (*Sáu trăm hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*).

Đến ngày 15/11/2023, Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận tiếp tục ban hành Quyết định số 3131/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị H1 để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Hồ C, hạng mục lòng hồ, xã H, huyện N (*Viết tắt: Quyết định 3131*), đối với diện tích 22.000m² đất thuộc một phần Thửa đất số 29 đã bị thu hồi theo Quyết định 449 nhưng chưa được bồi thường, tổng số tiền bồi thường bổ sung là 663.912.350 đồng (*Sáu trăm sáu mươi ba triệu chín trăm mười hai nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

Do diện tích 22.000m² đất thuộc một phần thửa 29 có công sức khai hoang, cải tạo của bà H, ông P và bà H1 từ năm 2008, do đó các Quyết định 449, Quyết định 539 và Quyết định 3131 của UBND huyện N chỉ bồi thường cho hộ gia đình bà H1 mà không xác định bà H, ông P cũng được bồi thường là không đúng quy định pháp luật.

Bà H không tranh chấp về tính hợp pháp của các Quyết định 449, Quyết định 539, Quyết định 3131 và không yêu cầu phân chia lại số tiền bồi thường tại Quyết định 539.

Bà H chỉ yêu cầu bà H1 phải phân chia số tiền bồi thường bổ sung theo Quyết định số 3131 là 663.912.350 đồng (*Sáu trăm sáu mươi ba triệu chín trăm mười hai nghìn hai trăm năm mươi đồng*) nhưng bà H1 không đồng ý.

Tại Đơn khởi kiện ngày 14/12/2023, bà Dương Thị Bích H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu được sở hữu số tiền 336.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi sáu triệu đồng*), tương ứng với 1/2 số tiền 663.912.350 đồng (*Sáu trăm sáu mươi ba triệu chín trăm mười hai nghìn hai trăm năm mươi đồng*) bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo Quyết định 3131.

Tại phiên tòa, bà Dương Thị Bích H xác định lại yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

Yêu cầu chia số tiền 663.912.350 đồng (*Sáu trăm sáu mươi ba triệu chín trăm mười hai nghìn ba trăm năm mươi đồng*) theo Quyết định 3131 làm 03 phần bằng nhau, cụ thể:

- Bà Dương Thị Bích H được sở hữu số tiền 221.304.116 đồng (*Hai trăm hai*

mười một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười sáu đồng), bà H đồng ý nhận số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) và đồng ý tặng cho bà Nguyễn Thị H1 được sở hữu số tiền 41.304.116 đồng (Bốn mươi một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười sáu đồng).

- Bà Nguyễn Thị H1 được sở hữu tổng số tiền 262.608.323 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm lẻ tám nghìn ba trăm hai mươi ba đồng), bao gồm: Số tiền 221.304.116 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười sáu đồng) và số tiền 41.304.116 đồng (Bốn mươi một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười sáu đồng) do bà H tặng cho.

- Ông Ngô Vĩnh P được sở hữu 221.304.116 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười sáu đồng).

Về án phí: Bà H yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà H đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận nguyện vọng hòa giải, cụ thể như sau:

Bà H đề nghị bà H1 chia số tiền 663.912.350 đồng (Sáu trăm sáu mươi ba triệu chín trăm mười hai nghìn ba trăm năm mươi đồng) bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo Quyết định 3131 làm 03 phần, cụ thể:

- Cháu Ngô Gia H2 là con đẻ của vợ chồng bà H ông P được chia số tiền tối đa là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Bà H1 có trách nhiệm gửi tiết kiệm số tiền này cho cháu H2 tại Ngân hàng AGRIBANK huyện N, do ông P hoặc bà H1 là người trực tiếp quản lý sổ tiết kiệm. Đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi thì ông P hoặc bà H1 sẽ có trách nhiệm giao lại để cháu H2 có điều kiện tiếp tục đi học, học nghề để đảm bảo tương lai cho cháu.

- Số tiền còn lại là 463.912.235 đồng (Bốn trăm sáu mươi ba triệu chín trăm mười hai nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng) được chia đều cho ông P và bà H1 mỗi người được 01 phần bằng nhau là 231.956.118 đồng (Hai trăm ba mươi một triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn một trăm mười tám đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H1 là bà Trần Thị Bích T3 trình bày:

Thửa đất số 29 có nguồn gốc do hộ gia đình bà H1 chỉ có 01 nhân khẩu là bà Nguyễn Thị H1 phục hóa từ năm 1998 và đã được UBND huyện N cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số 230230, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 11528 QSDĐ/QĐ số 436/QĐ/26-9-2001 ngày 26/9/2001.

Từ năm 1998 đến khi bị thu hồi vào năm 2019 để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Hồ C, hạng mục lòng hồ, xã H, huyện N, bà H1 là người trực tiếp khai phá và quản lý, sử dụng đất.

Trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2018, con trai bà H1 là ông Ngô Vĩnh P kết hôn với bà Dương Thị Bích H nên bà H1 chỉ đồng ý cho ông P, bà H sử dụng đất để canh tác, bà H1 không thực hiện bất kỳ giao dịch chuyển quyền sử dụng đất nào. Do đó toàn bộ thửa 29 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà H1, bà H, ông P không có bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào liên quan đến Thửa đất số 29 này.

Các Quyết định 449, Quyết định 539 của UBND huyện N được ban hành đúng trình tự, thủ tục và đúng quy định pháp luật, được niêm yết công khai tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận và không bị bà H tranh chấp, khiếu nại. Các Quyết định này đều xác định người có quyền sử dụng thửa là Hộ gia đình bà H1 và không có tên của bà H. Chỉ đến khi UBND huyện N ban hành Quyết định 3131 thì bà H mới tranh chấp liên quan đến số tiền bồi thường bổ sung và Quyết định 3131 cũng chỉ bổ sung cho Quyết định 539.

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị H1 chỉ có 01 nhân khẩu là bà Nguyễn Thị H1 đã được xác định người có quyền sử dụng hợp pháp diện tích 35.583 m² thuộc Thửa đất số 29 Tờ bản đồ địa chính số 41 xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, trong hồ sơ hộ khẩu của Hộ gia đình bà Nguyễn Thị H1 không có tên bà Dương Thị Bích H, ông Ngô Vĩnh P. Do đó, bà Nguyễn Thị H1 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Bích H.

Bà H1 đề nghị Tòa án ghi nhận việc bà Dương Thị Bích H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà H1 trình bày:

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1 xác định có tham gia phiên tòa sơ thẩm và đã được nhận Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận nhưng khi Hội đồng xét xử công bố lại nội dung và quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận và hỏi người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đúng với bản án mà bị đơn được nhận không, bị đơn trình bày không biết vì cho rằng không được sao chụp Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh

Sơn trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử hỏi nhưng đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã không trả lời câu hỏi của Hội đồng xét xử về nguồn gốc, diện tích, quá trình sử dụng thửa đất số 29 vì cho rằng nguyên đơn không khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trả lời các câu hỏi của Hội đồng xét xử tuy nhiên những câu hỏi về nguồn gốc, diện tích, quá trình sử dụng thửa đất số 29 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cũng không trả lời với lý do là nguyên đơn không khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Vĩnh P:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Vĩnh P đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, không gửi bản trình bày ý kiến nên không có ý kiến trình bày.

Tại giai đoạn phúc thẩm ông Ngô Vĩnh P có đơn trình bày ngày 28/8/2025 nội dung: Ông xác nhận ông P là chồng của bà H và là con của bà H1. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, ông P cho rằng bà H không liên quan đến Quyết định 3131/QĐ-UBND bởi bà H không phải là đối tượng điều chỉnh của quyết định này, ông P không phải là chủ thể của Quyết định cá biệt 3131/QĐ-UBND nên Tòa án đưa ông P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là trái quy định của pháp luật, ông P yêu cầu không đưa ông P vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ban Q đất huyện N tỉnh Ninh Thuận trình bày:

Tại Đơn xin vắng mặt không tham dự phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm ngày 21/3/2025, ông Lê H3 là người đại diện theo ủy quyền của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N, tỉnh Ninh Thuận, nay là Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất tỉnh Khánh Hòa trình bày:

Ngày 15/11/2023, UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 3131/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị H1 để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Hồ chứa nước Sông T, hạng mục Lòng hồ, xã H, huyện N.

Tuy nhiên, tại thời điểm đó có tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Dương Thị Bích H và bà Nguyễn Thị H1 nên Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N, nay là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện N đã không

thực hiện chi trả cho bà H1 mà gửi vào tài khoản đền bù được mở tại Ngân hàng thương mại.

Đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên, sau khi có kết quả giải quyết của cơ quan cấp có thẩm quyền, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện N sẽ thông báo và tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người thụ hưởng theo quy định.

Ban Q đất huyện N, tỉnh Ninh Thuận yêu cầu xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Khánh Hòa đã tuyên:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 227, 228, 244, 271, 273 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 212, các Điều 217, 218 và 219 Bộ luật Dân sự; Khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 15 và điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Các Điều 12, 14 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Dương Thị Bích H.

2.1. Chia tài sản chung đối với số tiền 663.912.350 đồng (Sáu trăm sáu mươi ba triệu chín trăm mười hai nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng) theo Quyết định số 3131/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị H1 để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Hồ C, hạng mục lòng hồ, xã H, huyện N, cụ thể:

2.1.1. Bà Dương Thị Bích H được sở hữu số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

2.1.2. Bà Nguyễn Thị H1 được sở hữu tổng số tiền 262.608.323 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm lẻ tám nghìn ba trăm hai mươi ba đồng).

2.1.3. Ông Ngô Vĩnh P được sở hữu số tiền 221.304.116 đồng (Hai trăm hai

mười một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười sáu đồng).

Giao cho bà Nguyễn Thị H1 quản lý số tiền 221.304.116 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười sáu đồng) thuộc quyền sở hữu của ông Ngô Vĩnh P.

Bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ giao lại số tiền 221.304.116 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười sáu đồng) khi ông Ngô Vĩnh P có yêu cầu.

2.1.4. Số tiền 663.912.350 đồng (Sáu trăm sáu mươi ba triệu chín trăm mười hai nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng) hiện nay do Ban Q đất huyện N, tỉnh Ninh Thuận quản lý.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/4/2025 bà Nguyễn Thị H1 là bị đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H1 phát biểu quan điểm:

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn và đình chỉ giải quyết vụ án vì bà H không có quyền khởi kiện trong vụ án này, bà H không phải là chủ thể bị tác động bởi Quyết định 3131/QĐ-UBND, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ không khách quan, không đúng bản chất của vụ việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút hoặc thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Nguyên đơn bà Dương Thị Bích H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết: *“Tranh chấp tài sản là tiền bồi thường, hỗ trợ do Nhà nước thu hồi đất”* là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H1 trình bày rõ nội dung kháng cáo:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận vì đã có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, cụ thể: Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn đã thụ lý vụ án không đúng theo Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự vì bà H không phải là chủ thể chịu sự tác động của Quyết định 3131/QĐ-UBND nên bà H không có quyền khởi kiện, xác định quan hệ tranh chấp sai, đánh giá chứng cứ trong vụ án không khách quan, không vô tư.

[3.1] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1.

[3.1.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp cũng như do Tòa án thu thập, xác định thửa đất số 29 tờ bản đồ địa chính số 41 (được gọi tắt là thửa 29) được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị H1 năm 2001, diện tích là 5000m². Diện tích 5000m² thuộc thửa 29 cấp GCNQSDĐ năm 2001 được đại diện UBND xã H xác nhận tương ứng với diện tích là 8.136,9m² của thửa 29 hiện nay (BL 41).

[3.1.2] Hiện nay thửa đất số 29 được đo đạc với tổng diện tích là 35.583,6m² và phần diện tích ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 2001

được UBND xã xác nhận là diện tích đất do hộ bà H1 khai hoang trong khoảng từ năm 2010 đến năm 2013 và từ năm 2015 đến năm 2018 (BL 41). Bà H cho rằng đối với phần diện tích đất khai hoang nằm trong thửa 29 là do vợ chồng bà H cùng với bà H1 khai hoang vì vậy bà H yêu cầu được hưởng một phần công sức khi được nhà nước thu hồi, bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định 3131/QĐ-UBND còn bà H1 cho rằng toàn bộ diện tích đất thửa 29 (gồm diện tích nằm trong và ngoài GCNQSDĐ) là của riêng cá nhân bà H1 nhưng không trình bày rõ nguồn gốc phần diện tích ngoài GCNQSDĐ do đâu mà có. Nhận thấy, tại biên bản xác minh (BL 41), đại diện UBND xã xác nhận phần đất ngoài GCNQSDĐ thửa đất số 29 là do hộ gia đình bà H1 khai hoang điều này phù hợp với lời khai của bà H và phù hợp với lời khai của người làm chứng (người bà H thuê cày đất, thuê trồng mỳ và cho thuê đất), những người này đều xác định bà H1 canh tác khoảnh đất bên cạnh, xác định khoảnh đất của bà H1 khoảng 7000 - 8000m² còn đất của bà H canh tác bên cạnh đất của bà H1, bà H là người trực tiếp trả tiền thuê nhân công cày thuê, trồng hoa màu thuê (BL 36, 37, 40). Bà H1 cho rằng diện tích đất ngoài GCNQSDĐ nằm trong thửa 29 là của cá nhân bà H1 nhưng không trình bày nguồn gốc cũng như không đưa ra được chứng cứ chứng minh, vì vậy không có căn cứ để xác định phần diện tích ngoài giấy chứng nhận của thửa 29 là của riêng cá nhân bà H1 như đã trình bày. Hơn nữa, mặc dù hộ gia đình bà H1 trong sổ hộ khẩu chỉ ghi tên một mình bà H1 nhưng theo quy định của Luật đất đai năm 2013 thì bà H cũng được xác định là thành viên của hộ gia đình.

[3.1.3] Quyết định 3131/QĐ-UBND thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với toàn bộ diện tích đất thửa 29 (gồm phần diện tích trong giấy chứng nhận và ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) mang tên hộ bà H1, mặc dù bà H không có tên trong hộ khẩu của bà H1 nhưng thực tế bà H có công sức đóng góp trong việc khai hoang một phần thửa đất số 29, vì vậy bà H có quyền và lợi ích liên quan đến Quyết định 3131/QĐ-UBND, do đó việc bà H khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp số tiền thu hồi, bồi thường theo Quyết định 3131/QĐ-UBND là đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và xác định quan hệ tranh chấp tài sản là tiền bồi thường là hoàn toàn có cơ sở. Ngoài ra bà H1 còn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, không vô tư tuy nhiên bà H1 không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo này.

Tại phiên tòa bị đơn không xuất trình được chứng cứ nào khác để làm thay đổi nội dung vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bà H1 là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên bà H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0005623 ngày 15/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (do bà Nguyễn Trần Bích T nộp thay). Bà H1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bác toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Khánh Hòa.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 212, các điều 217, 218 và 219 Bộ luật Dân sự; Khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 15 và điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Các điều 12, 14, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Bích H đối với bà Nguyễn Thị H1 về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với số tiền 663.912.350 đồng theo Quyết định số 3131/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Dương Thị Bích H được sở hữu số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).

Bà Nguyễn Thị H1 được sở hữu tổng số tiền 262.608.323 đồng (*Hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm lẻ tám nghìn ba trăm hai mươi ba đồng*).

Ông Ngô Vĩnh P được sở hữu số tiền 221.304.116 đồng (*Hai trăm hai mươi một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười sáu đồng*).

Giao cho bà Nguyễn Thị H1 quản lý số tiền 221.304.116 đồng (*Hai trăm hai mươi một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười sáu đồng*) thuộc quyền sở hữu của ông Ngô Vĩnh P. Bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ giao lại số tiền 221.304.116 đồng (*Hai trăm hai mươi một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười sáu đồng*) khi ông Ngô Vĩnh P có yêu cầu.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện N, tỉnh Ninh Thuận có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị Bích H, bà Nguyễn Thị H1, ông Ngô Vĩnh P số tiền mà bà Dương Thị Bích H, bà Nguyễn Thị H1, ông Ngô Vĩnh P được hưởng theo quyết định của bản án này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 13.130.416 đồng (*Mười ba triệu một trăm ba mươi nghìn bốn trăm mười sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Dương Thị Bích H phải chịu 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 8.400.000 đồng (*Tám triệu bốn trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001403 ngày 02/01/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ninh Sơn. Bà H còn phải nộp 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) án phí.

- Ông Ngô Vĩnh P phải chịu 11.065.201 đồng (*Mười một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm lẻ một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0005623 ngày 15/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (do bà Nguyễn Trần Bích T nộp thay). Bà H1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 11/9/2025)/.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND tỉnh Khánh Hòa (1);
- P. THADS khu vực 7 – Khánh Hòa (1);
- TAND khu vực 7 – Khánh Hòa (1);
- Phòng GDKT, TT&THA (1);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Diệu

Nơi nhận:

- Các đương sự (4);
- VKSND tỉnh Khánh Hòa (1);
- P. THADS khu vực 7 – Khánh Hòa (1);
- TAND khu vực 7 – Khánh Hòa (1);
- Phòng GDKT, TT&THA (1);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Diệu